

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

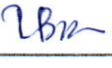
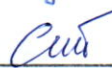
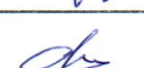
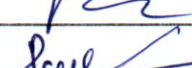
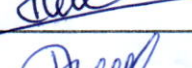
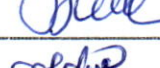
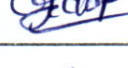
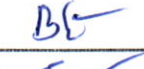
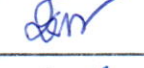
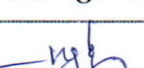
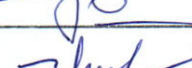
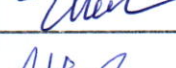
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,  
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K7, TẠI HUYỆN CƯ M'GAR, KHÓA HỌC 2024-2026  
DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC

THI PHẦN B.I: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Ngày thi: 17/8/2024; Thời gian làm bài: 180 phút;

Địa điểm: Trung tâm Chính trị huyện Cư M'gar.

| Sbd | Họ và tên             | Ngày sinh  | Số tờ                                                         | Ký nộp bài                                                                          | Số phách | Điểm số | Điểm chữ     |
|-----|-----------------------|------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|--------------|
| 01  | Hoàng Thị Vân Anh     | 03/3/1991  | 02                                                            |    | 8        | 72,5    | Đạt, hai năm |
| 02  | Phạm Thị Ngọc Ánh     | 05/4/1977  | 02                                                            |    | 70       | 65      | Đạt, năm     |
| 03  | Nguyễn Thị Phương Ánh | 06/01/1985 | 03                                                            |    | 71       | 70      | Đạt          |
| 04  | H'Bon Byă             | 05/5/1990  | 02                                                            |    | 79       | 75      | Đạt, năm     |
| 05  | Nguyễn Thị Giang Châu | 17/6/1989  | 02                                                            |   | 77       | 75      | Đạt, năm     |
| 06  | Cao Xuân Cúc          | 18/08/1981 | 02                                                            |  | 19       | 75      | Đạt, năm     |
| 07  | Trần Thị Kim Cúc      | 20/10/1991 | 02                                                            |  | 3        | 77,5    | Đạt, đạt năm |
| 08  | Nguyễn Văn Dư         | 28/6/1986  | 02                                                            |  | 60       | 70      | Đạt          |
| 09  | Huỳnh Văn Dữ          | 28/11/1987 | 02                                                            |  | 61       | 67,5    | Sau, đạt năm |
| 10  | Nguyễn Trung Dũng     | 28/02/1988 | 02                                                            |  | 7        | 75      | Đạt, năm     |
| 11  | Phạm Đình Dũng        | 23/4/1984  | 02                                                            |  | 42       | 70      | Đạt          |
| 12  | Hồ Thị Dương          | 05/5/1975  | 02                                                            |  | 5        | 70      | Đạt          |
| 13  | Huỳnh Thị Lệ Duyên    | 28/12/1980 | 03                                                            |  | 32       | 75      | Đạt, năm     |
| 14  | H Bluer Êban          | 23/3/1989  | 03                                                            |  | 52       | 80      | Tạm          |
| 15  | H Len Êban            | 10/8/1988  | 02                                                            |  | 18       | 77,5    | Đạt, đạt năm |
| 16  | Lê Thu Hà             | 21/5/1985  | 03                                                            |  | 31       | 80      | Tạm          |
| 17  | Trần Thị Hà           | 10/11/1981 | Có đơn xin nghỉ học ( QĐ cho thôi học: số 348 ngày 13/6/2024) |                                                                                     |          |         |              |
| 18  | Nguyễn Ngọc Hải       | 30/09/1981 | 02                                                            |  | 68       | 62,5    | Sau, hai năm |
| 19  | Trương Thị Bích Hạnh  | 04/04/1980 | 02                                                            |  | 23       | 72,5    | Đạt, hai năm |
| 20  | Hoàng Thị Hồng        | 23/10/1989 | 03                                                            |  | 73       | 75      | Đạt, năm     |



| Sbd | Họ và tên              | Ngày sinh  | Số tờ | Ký nộp bài | Số phách | Điểm số | Điểm chữ     |
|-----|------------------------|------------|-------|------------|----------|---------|--------------|
| 48  | Phan Thị Bích Phương   | 29/01/1981 | 03    |            | 28       | 75      | Đầy, năm     |
| 49  | Nguyễn Thị Hoàng Quyên | 05/7/1987  | 03    |            | 30       | 75      | Đầy, đầy năm |
| 50  | Lê Thế Sơn             | 06/5/1985  | 03    |            | 67       | 70      | Đầy          |
| 51  | Lê Thị Thu Sương       | 20/4/1988  | 03    |            | 33       | 70      | Đầy          |
| 52  | Nguyễn Thị Thu Sương   | 20/9/1981  | 02    |            | 2        | 70      | Đầy          |
| 53  | Trần Văn Tân           | 08/9/1983  | 02    |            | 47       | 70      | Đầy          |
| 54  | Nguyễn Ngọc Thạch      | 26/7/1977  | 02    |            | 17       | 725     | Đầy, đầy năm |
| 55  | Nguyễn Thị Thanh       | 15/01/1984 | 02    |            | 36       | 65      | Sáu, năm     |
| 56  | Lê Hữu Thành           | 06/3/1985  | 02    |            | 20       | 775     | Đầy, đầy năm |
| 57  | Đinh Thị Thảo          | 14/4/1990  | 03    |            | 12       | 80      | Tám          |
| 58  | Nguyễn Thị Thảo        | 27/8/1987  | 03    |            | 11       | 80      | Tám          |
| 59  | Lê Tô Anh Thi          | 13/9/1981  | 02    |            | 63       | 625     | Sáu, đầy năm |
| 60  | Ngô Thị Thơm           | 28/12/1980 | 03    |            | 56       | 80      | Tám          |
| 61  | Phạm Xuân Thống        | 01/01/1984 | 02    |            | 14       | 70      | Đầy          |
| 62  | Phan Thị Thu           | 03/4/1988  | 02    |            | 43       | 70      | Đầy          |
| 63  | Đậu Minh Thuận         | 11/6/1989  | 02    |            | 25       | 775     | Đầy, đầy năm |
| 64  | Đỗ Thị Như Thuận       | 27/4/1989  | 03    |            | 54       | 775     | Đầy, đầy năm |
| 65  | Trần Văn Thương        | 24/5/1977  | 02    |            | 76       | 775     | Đầy, đầy năm |
| 66  | Bùi Văn Thường         | 24/9/1989  | 02    |            | 58       | 70      | Đầy          |
| 67  | Lê Thị Thúy            | 18/12/1990 | 03    |            | 6        | 75      | Đầy, năm     |
| 68  | Phạm Thu Thủy          | 19/10/1988 | 03    |            | 10       | 80      | Tám          |
| 69  | Nguyễn Thị Tơ          | 14/10/1985 | 03    |            | 16       | 80      | Tám          |
| 70  | Cao Thị Minh Trâm      | 23/05/1987 | 03    |            | 75       | 80      | Tám          |
| 71  | Đỗ Thị Thanh Trang     | 02/11/1988 | 02    |            | 62       | 70      | Đầy          |
| 72  | Hoàng Thị Đài Trang    | 05/7/1988  | 02    |            | 45       | 75      | Đầy, năm     |
| 73  | Võ Thị Trang           | 05/8/1986  | 03    |            | 34       | 75      | Đầy, năm     |
| 74  | Võ Thị Thu Trang       | 18/4/1987  | 03    |            | 49       | 80      | Tám          |

| Sbd | Họ và tên         | Ngày sinh  | Số tờ | Ký nộp bài | Số phách | Điểm số | Điểm chữ  |
|-----|-------------------|------------|-------|------------|----------|---------|-----------|
| 75  | Nguyễn Trọng Tuấn | 24/8/1981  | 03    |            | 57       | 75      | Đầy 1 năm |
| 76  | Hồ Ngọc Việt      | 02/02/1973 | 03    |            | 27       | 75      | Đầy 1 năm |
| 77  | Phạm Văn Vinh     | 20/10/1984 | 03    |            | 50       | 80      | Đầy       |
| 78  | Phan Thị Xuân     | 01/11/1986 | 03    |            | 37       | 80      | Đầy       |
| 79  | Hoàng Thị Yêm     | 08/12/1984 | 02    |            | 21       | 75      | Đầy 1 năm |
| 80  | Ninh Thị Hồng Yến | 21/10/1988 | 02    |            | 66       | 75      | Đầy 1 năm |

Tổng số học viên theo danh sách:.....<sup>80</sup>.....học viên;

Số học viên không đủ điều kiện thi:.....<sup>01</sup>.....học viên (lý do.....)

Số học viên đủ điều kiện thi:.....<sup>79</sup>.....học viên;

Số học viên vắng thi:.....<sup>01</sup>.....học viên; trong đó: có lý do:.....<sup>01</sup>.....học viên; không có lý do:.....học viên;

Số bài thi hiện có:.....<sup>79</sup>.....bài/.....<sup>193</sup>.....tờ.

### CÁN BỘ COI THI 01

Ra Lan Nguyệt

Ngày.....<sup>26</sup>.....tháng.....<sup>8</sup>.....năm 2024

**NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM**

Trương Khoa

**TRƯỞNG KHOA**

Lương Hữu Nam



Nguyễn Thành Dũng

### CÁN BỘ COI THI 02

Nguyễn Thị Bích Hà

Ngày.....<sup>26</sup>.....tháng.....<sup>8</sup>.....năm 2024

**NGƯỜI VÀO ĐIỂM**

Đoàn Thị Mai

**TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH**

Lê Duyệt Hà

